

Số: 14/2019/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp,
mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố;
mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị-xã hội
ở thôn, tổ dân phố và các chế độ, chính sách khác**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của liên bộ Công an, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

Sau khi xem xét Tờ trình số 267/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của ở thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố và các chế độ, chính sách khác; Báo cáo thẩm tra số 266/BC-BPC ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố và các chế độ, chính sách khác.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; thay thế Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng công an, dân quân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Quốc phòng, Công an;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TP;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố và các chế độ, chính sách khác

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 14/2019/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã

1. Số lượng

- a) Xã loại 1 bố trí tối đa 14 người.
- b) Xã loại 2 bố trí tối đa 12 người.
- c) Xã loại 3 bố trí tối đa 10 người.

2. Chức danh

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã gồm các chức danh sau: Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó Trưởng Công an xã (nơi không có lực lượng công an chính quy), Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM, Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa, Trưởng ban Tuyên vận Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng, Trưởng ban Thanh tra nhân dân.

b) Đối với phường và thị trấn (nơi có lực lượng công an chính quy) được bố trí Trưởng Ban, Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố;

c) Đối với các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an xã;

d) Đối với các xã trọng điểm về quốc phòng an ninh, xã loại 1, xã loại 2 và nếu được bố trí thêm 01 Phó chỉ huy Quân sự.

3. Mức phụ cấp

TT	Chức danh	Hệ số phụ cấp (nhân với mức lương cơ sở)		
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3
1	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Phó Trưởng Công an xã (nơi không bố trí công an chính quy)	1,6	1,4	1,3
2	Cán bộ Đài truyền thanh quản lý nhà Văn hóa	0,9	0,8	0,75
3	Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc,	1,0	0,8	0,75
4	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên; Trưởng ban Thanh tra nhân dân	0,8	0,7	0,65
5	Trưởng Ban Tuyên vận, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra,	0,4	0,35	0,3
6	Trưởng ban Bảo vệ dân phố (đối với phường, TT)	1,1	1,0	0,9
7	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố (đối với phường, TT)	0,9	0,8	0,7

Điều 3. Số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng

Được bố trí không quá 03 người cho các chức danh Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận và một số chức danh khác theo quy định tại các Nghị định, Quyết định của Chính phủ.

2. Chức danh

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận.

b) Các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố, gồm: Thôn đội trưởng, Công an viên, Nhân viên y tế thôn bản (ở thôn) và Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố (ở tổ dân phố). Đối với thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí thêm 01 công an viên. Đối với những thôn còn

khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được bố trí không quá 02 nhân viên y tế thôn (do UBND tỉnh quyết định).

3. Mức phụ cấp

a) Các chức danh Bí thư chi bộ, Trưởng thôn/Tổ trưởng dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận

TT	Quy mô dân số	Hệ số phụ cấp (so với mức lương cơ sở)		
		Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác Mặt trận thôn
1	Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn thuộc xã biên giới.	1,8	1,8	1,4
2	Đối với thôn, tổ dân phố còn lại	1,1	1,1	0,8

b) Các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố

TT	Chức danh	Hệ số phụ cấp (nhân với mức lương cơ sở)
1	Công an viên	0,5
2	Thôn đội trưởng	0,5
3	Nhân viên Y tế thôn bản	0,5
4	Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố	0,5
5	Tổ phó, tổ viên tổ Bảo vệ dân phố	0,4

Điều 4. Kiêm nhiệm và mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Kiêm nhiệm chức danh

a) Các chức danh bắt buộc bố trí kiêm nhiệm: Ở cấp xã gồm Trưởng ban Tuyên vận, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra (do Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm);

b) Các chức danh khuyến khích kiêm nhiệm: Gồm tất cả các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố (trừ 02 chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra và Trưởng ban Tuyên vận).

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác ở cấp xã. Kể từ ngày được cấp có thẩm

quyền quyết định việc kiêm nhiệm, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh đó. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 1 mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh cao nhất.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm chức danh không chuyên trách khác ở thôn, bản, tổ dân phố. Kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm.

Điều 5. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các thôn, tổ dân phố; các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố (gồm: Ban công tác mặt trận, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên):

1. Các thôn thuộc xã; các thôn, tổ dân phố thuộc thị trấn Tăng Loỏng, Phong Hải (huyện Bảo Thắng): Mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/thôn (tổ)/năm. Các thôn, tổ dân phố thuộc phường, thị trấn huyện lỵ còn lại: Mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/thôn (tổ)/năm.

2. Ban công tác mặt trận và các Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên ở các thôn, tổ dân phố thuộc các xã, thị trấn: Mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/tổ chức/năm.

Điều 6. Một số chế độ, chính sách khác

1. Đối với lực lượng công an: Các xã, thị trấn nơi không có lực lượng công an chính quy được bố trí không quá 03 người làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở UBND xã (kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết) được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng 0,05/mức lương cơ sở.

2. Đối với lực lượng dân quân:

a) Dân quân khi được huy động làm nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh được trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,08/mức lương cơ sở;

b) Dân quân nông cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định chung, khi được huy động làm nhiệm vụ được trợ cấp ngày công lao động tăng thêm bằng hệ số 0,04/mức lương mức lương cơ sở;

c) Dân quân khi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền cách xa nơi cư trú thì được hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ bộ binh phục vụ có thời hạn trong Quân đội nhân dân tại cùng thời điểm.

3. Riêng Chỉ huy phó Quân sự cấp xã, Phó trưởng Công an xã được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian giữ chức vụ.

Điều 7. Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã việc thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo quy định tại Nghị quyết này.

2. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo cấp ủy, chính quyền cơ sở sắp xếp bố trí các chức danh kiêm nhiệm phù hợp, đảm bảo thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ theo quy định của mỗi chức danh và không vượt quá số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 2; số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này. /.

thủ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh